

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ Y TẾ**
VIỆN SỐT RÉT - KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG

MỘT SỐ QUY ĐỊNH
VỀ VIẾT ĐỀ CƯƠNG DỰ TUYỂN
NGHIÊN CỨU SINH, CHUYÊN ĐỀ, LUẬN ÁN VÀ
TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ

PGS. TS. CAO BÁ LỢI

*(Tài liệu dùng cho nghiên cứu sinh tiến sỹ
của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương)*

HÀ NỘI, 2022

PHẦN I

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phong chữ

Luận án, tóm tắt luận án và các chuyên đề dùng phong chữ Time New Roman, cỡ chữ thường 14, riêng đối với tóm tắt luận án tiến sỹ cỡ chữ 12. Mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ, giãn dòng 1,5.

2. Đặt lề

Luận án: Lề trái: 3,5 cm, lề phải: 2,0 cm, lề trên: 3,0 cm, lề dưới: 2,5 cm.

Tóm tắt luận án tiếng Việt và Tiếng Anh có hướng dẫn ở phần cách viết tóm tắt luận án cụ thể: Dòng đơn 17 pt (lề trên, lề dưới, lề trái, lề phải đều 2 cm).

3. Quy định về số trang, đánh số trang

3.1. Đánh số trang

- Đánh số trang ở trên, chính giữa trang.
- Đối với luận án đánh số trang từ phần đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, bàn luận và kết luận. Từ phần tài liệu tham khảo trở đi không đánh số trang.
- Đối với các chuyên đề, học phần trình độ tiến sỹ tự chọn đánh số trang đến hết phần kết luận.

3.2. Dung lượng đối với luận án tiến sỹ

Tổng dung lượng của luận án tiến sỹ trung bình từ 100 đến 130 trang, trung bình 120 trang.

+ Đặt vấn đề và mục tiêu nghiên cứu: 2 – 3 trang, đặt vấn đề phải nêu được tính cấp thiết phải thực hiện nghiên cứu.

+ Tổng quan tài liệu: Từ 25 - 30 trang, không quá 35 trang. Các vấn đề tổng quan tài liệu phải dựa trên mục tiêu nghiên cứu (mục tiêu gì thì tổng quan về lĩnh vực đó).

+ Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu: Từ 20 – 25 trang, không quá 25 trang. Mỗi mục tiêu là một đề tài nhỏ, trình bày theo 10 - 11 bước. Các mục nhập và phân tích số liệu thống kê, sai số trong nghiên cứu, đạo đức trong nghiên cứu có thể ghép cùng phương pháp nghiên cứu của nhiều mục tiêu.

+ Kết quả nghiên cứu: Từ 30 – 35 trang, không quá 40 trang. Trình bày kết quả theo mục tiêu nghiên cứu. Khi phiên giải kết quả bằng bảng số liệu thì không sử dụng hình và ngược lại.

+ Bàn luận: 25 – 30 trang. Bàn luận cũng phải bám sát mục tiêu và kết quả nổi bật của đề tài luận án.

Lưu ý: Đảm bảo quy định tổng số trang của các phần kết quả nghiên cứu và bàn luận tối thiểu > 50% dung lượng của luận án.

+ Kết luận: Từ 01 – 02 trang, kết luận theo mục tiêu nghiên cứu và phải dựa trên kết quả nghiên cứu nổi bật của đề tài luận án.

+ Kiến nghị: 01 trang (chỉ kiến nghị những vấn đề xuất phát từ kết quả nghiên cứu nổi bật của luận án).

+ Tính khoa học, tính mới, tính thực tiễn của đề tài 1 trang.

+ Tài liệu tham khảo (*viết và trình bày theo hướng dẫn - Xem mục 6*)

+ Các phụ lục (*nếu có*).

3.2. Đối với học phần trình độ tiến sỹ, chuyên đề tiến sỹ và tiểu luận tổng quan

3.2.1. Đối với học phần trình độ tiến sỹ, tiểu luận tổng quan

Gồm những phần sau:

Đặt vấn đề (không đánh mục):

Mở đầu, lời dẫn, tính cấp thiết thực hiện học phần và mục tiêu của học phần (không ghi số mục tiêu, mà chỉ dùng 1 câu văn).

Nội dung:

Các nội dung trình bày theo thứ tự đề mục như sau: 1. ; 1.1 ; 1.2; 1.3; 2.; 2.1; 2.2; 3.; 3.1; 3.2...(khi đánh mục có thể tới 4 chữ số, hết 4 chữ số thì dùng gạch đầu dòng (-) và cuối cùng là cộng đầu dòng (+) nhưng khi trình bày trong mục lục chỉ đưa vào mục không quá 3 chữ số).

Kết luận: Theo mục tiêu thực hiện học phần hoặc chuyên đề

Tài liệu tham khảo:

Ghi bằng mở móc vuông []. Trình bày theo thứ tự xuất hiện, khi tài liệu cuối cùng đã ghi trong nội dung thì nếu xuất hiện lần thứ 2, 3 ...thì ghi theo lần xuất hiện đầu.

Phụ lục (*nếu có*).

Dung lượng:

Đặt vấn đề: 01 – 02 trang; Phần nội dung: Từ 20 – 25 trang; Kết luận: 01 trang. Cách đánh mục và tài liệu tham khảo theo quy định chung như phần 4, 6. Tổng dung lượng một học phần: 28 - 35 trang.

3.2.2. Đối với chuyên đề tiến sĩ

Liên quan trực tiếp đến nội dung và kết quả của luận án, vì vậy trong phần nội dung trước khi trình bày đối tượng và phương pháp nghiên cứu có mục tổng quan ngắn gọn về nội dung của chuyên đề. Cụ thể:

Gồm những phần sau:

Đặt vấn đề: (không ghi mục).

Nội dung (đánh đề mục):

Các nội dung trình bày theo đề mục như sau:

- Tổng quan (không quá 2 trang) (*Mục 1*)

- Các nội dung trình bày, gồm: 1; 2; 2.1; 2.2; 2.3;....Theo thứ tự như sau:

1: Tổng quan;

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu;

2.1. Đối tượng, địa điểm, thời gian nghiên cứu;

2.2. Phương pháp nghiên cứu;

2.3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận.....

.....

Kết luận: Kết luận cần ngắn gọn những vấn đề đã trình bày;

Kiến nghị (nếu có)

Tài liệu tham khảo: Trình bày theo thứ tự xuất hiện.

Phụ lục (*nếu có*).

Đặt vấn đề: 01 – 02 trang; Nội dung (gồm cả tổng quan): Từ 20 – 25 trang; Kết luận: 01 trang; Kiến nghị 1 trang. Tổng dung lượng một chuyên đề: 28 – 32 trang, tối đa không quá 35 trang.

Cách đánh mục và tài liệu tham khảo theo quy định chung như phần 4, 6.

4. Đánh số mục:

Theo quy định chung như sau:

- Không dùng chữ số La mã để đánh số đề mục.

- Không dùng các chữ cái (A, B, C...) để đánh tên đề mục.
- Không đánh đề mục quá 04 chữ số trong một đề mục, ví dụ:
 - 1.
 - 1.1.
 - 1.1.1.
 - 1.1.1.1.
- Quá 04 chữ số dùng gạch đầu dòng (-), tiếp đến là (+) để rõ ý trình bày.
- Chỉ đưa vào phần mục lục những mục có không quá 03 chữ số.
- Tên bảng để ở phía trên, tên hình và biểu đồ để ở phía dưới. Nếu là tên hình trích dẫn của tài liệu khác phải ghi rõ nguồn trích dẫn.

5. Viết tắt

- Hạn chế tối đa lạm dụng viết tắt.
- Chỉ viết tắt sau khi viết đầy đủ sau đó có mở ngoặc đơn chú thích ở từ xuất hiện đầu tiên. VD: Tỷ lệ nhiễm (TLN) giun móc/mỏ ở phụ nữ độ tuổi 15 – 49 tại Hoài Đức – Hà Tây là 45,0%.
- Hạn chế viết tắt quá 04 từ, trừ những trường hợp đặc biệt.
- Không viết tắt trong phần đặt vấn đề, mục lục, tên hình, tên bảng, tên các mục trong phần nội dung, trừ trường hợp đặc biệt.
- Tên hóa chất, thuốc...không phải viết hoa, trừ trường hợp tên thuốc và hóa chất đứng ở đầu dòng hoặc sau dấu chấm.
- Chỉ viết tắt những từ thông dụng, sử dụng nhiều lần trong luận án hoặc chuyên đề nghiên cứu.
- Khi viết tắt phải viết đầy đủ trong mục “Các từ viết tắt”, có chú thích bằng tiếng Anh, tiếng Việt.

6. Viết tên sinh vật

Viết tên sinh vật cần tuân thủ theo danh pháp Quốc tế. Trong lĩnh vực nghiên cứu vi khuẩn, ký sinh trùng, côn trùng và động vật liên quan đến y học rất cần đến phân loại động vật và danh pháp động vật. Bài này không ngoài mục đích lược ghi lại một số nội dung liên quan đến sự phân loại học (classification) và “Các quy tắc danh pháp động vật” được đề cập trong “*Luật danh pháp động vật quốc tế*” (*International Code of Zoological Nomenclature*) do Hội nghị Động vật học Quốc tế lần thứ XV thông qua tại Luân Đôn, tháng 7 năm 1958 [4]. Trong các

đào tạo tiến sỹ chủ yếu áp dụng cách viết tên giống, loài là thông dụng nhất. Khi lần đầu tên sinh vật xuất hiện trong luận án và chuyên đề...thì viết đủ tên giống, loài sau đó từ lần xuất hiện thứ hai trở đi mới viết rút gọn VD: *Anopheles minimus* (*An. minimus*) (trong đó *Anopheles* là tên giống và *minimus* là tên loài), từ lần xuất hiện sau có thể viết *An. Minimus*.

6.1 Một số khái niệm cơ bản về phân loại

6.1.1. Phân loại học (classification và taxonomy)

Phân loại sinh vật (biological classification) là sắp xếp những sinh vật giống nhau vào những nhóm được giả thuyết là có chung nguồn gốc, nói cách khác là những nhóm con cháu của một tổ tiên chung”.

Phân loại động vật – đó là sự sắp xếp các động vật thành các nhóm dựa trên sự giống nhau (similarity) và mối quan hệ họ hàng (relationship) của chúng [5].

6.1.2. Định loại (identification)

Định loại (hay giám định) là việc xác định vị trí phân loại, xác định tên khoa học của một cá thể hoặc một nhóm cá thể dựa trên các kết quả nghiên cứu về phân loại học về những nhóm loài cụ thể đã được công bố chính thức, như các tài liệu chuyên khảo, sổ tay định loại, các kiểu khóa định loại...Định loại chỉ là một công việc thiết yếu, không phải là tất cả nội dung công việc của phân loại học.

Những người chuyên làm công việc định loại mẫu vật dựa trên các kết quả nghiên cứu phân loại học đã công bố chính thức về những nhóm loài cụ thể, không phải là nhà phân loại học. Không nên lẫn lộn hai thuật ngữ “phân loại” và “định loại”. Ví dụ: các bảng (hay khóa) định loại, không nên gọi là “bảng phân loại” [2].

6.1.3. Thang bậc phân loại và các đơn vị phân loại

Thế giới sinh vật đa dạng, phong phú, muôn hình muôn vẻ. Ngay trong một loài các giai đoạn phát triển khác nhau, vì vậy nếu không tiến hành phân loại thì không thể phân biệt được hàng tỷ loài sinh vật trên trái đất.

Đacuyn (1859), đã nói “Tất cả các sinh vật đều giống nhau, tuy nhiên mức độ giống nhau càng giảm dần vì vậy mà có thể phân loại chúng thành từng nhóm liên quan với nhau”, và chúng ta muốn xây dựng một hệ thống phân loại các loài đó thì sự phân loại không tùy tiện, tương tự như sắp xếp các ngôi sao thành các chòm sao. Bởi vậy nhiệm vụ của sự phân loại là phân biệt các nhóm này và nhóm kia sắp xếp chúng theo một thứ tự đúng. Về vấn đề này, điều cốt yếu là người nghiên cứu phải có khái niệm rõ ràng về ý nghĩa của các thuật ngữ “*đơn vị phân loại và thứ hạng phân loại*”.

Năm 1969, Whittaker đề xuất chia thế giới sinh vật thành 5 giới (kingdom):

- Giới vi khuẩn (giới đơn vật) – Eubacteria.
- Giới nguyên sinh vật – Protista.
- Giới nấm – Fungi.
- Giới thực vật – Planta.
- Giới động vật - Animalia

6.1.4. Các thứ hạng phân loại (Taxon) của Linnaeus và định nghĩa loài

6.1.4.1. Các thứ hạng phân loại (Taxon) của Linnaeus

Giới động vật (Animalia), bậc cao nhất trong các thứ hạng phân loại thường dùng là ngành và thấp nhất là loài. Carl Linnaeus (1707-1778) nhà phân loại học đầu tiên khi thiết lập các thứ hạng phân loại đã phân biệt trong giới động vật chỉ có 5 thứ hạng: Lớp (class), bộ (ordo), giống (genus), loài (species) và thứ (varietas). Ít lâu sau khi số lượng động vật được biết tăng lên đã gọi lên sự cần thiết phải chia chi tiết hơn và đã có hai thứ hạng nữa bắt đầu được sử dụng là: Họ (family) và ngành (phylum). Thứ (varietas) được Carl Linnaeus sử dụng như một thứ hạng không bắt buộc để chỉ các biến thể trong các loài khác nhau. Thứ hạng này cuối cùng đã bị bác bỏ và thay thế bằng *phân loài* hay *loài phụ* [4] (Nguyên tắc phân loại sinh vật. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2007, trang 40).

Như vậy, bất cứ loài động vật nào cũng thuộc vào 7 thứ hạng phân loại sau: giới, ngành, lớp, bộ, họ, giống và loài. Mỗi một loài động vật cụ thể được sắp xếp theo bảy bậc chính từ cao đến thấp trong thang phân loại như ví dụ sau đây [5]:

Vị trí phân loại của Chó sói – *Canis lupus*

Giới (kingdom) động vật	Animalia
Ngành (phylum) Dây sống	Chordata
Lớp (class) có vú (thú)	Mammalia
Bộ (ordo) ăn thịt	Carnivora
Họ (family) chó	Canidae
Giống (genus) chó	Canis
Loài (species) sói	Lupus

Do mức độ tăng lên của số lượng động vật được biết và sự mở rộng kiến thức kèm theo của chúng ta về mức độ giống nhau của các loài ấy cần thiết phải chia ra vị trí phân loại các loài chính xác hơn. Điều đó đạt được bằng cách đưa vào giữa bảy thứ hạng phân loại cơ bản các thứ hạng phụ. Phần lớn các thứ hạng phụ

được hình thành bằng cách thêm vào thứ hạng đầu tiên các tiếp đầu ngữ *Tổng* hoặc *Liên* (super) hay “Phân” (sub). Như vậy đã xuất hiện *tổng bộ* hay *liên bộ* (superordo) và *phân bộ* (subordo), *liên họ* (superfamily) và *phân họ* (subfamily) v.v ... Trong các thứ hạng phụ ấy có “Tộc” (tribe) là thứ hạng nằm giữa họ và giống.

Trật tự các thứ hạng viết tên danh pháp động vật như sau:

1) Giới – Kingdom

Liên ngành - Superphylum

2) Ngành –Phylum (Divisio)

Phân ngành - Subphylum

Liên lớp -Superclass

3) Lớp - Class

Liên bộ - Superorder

4) Bộ - Order

Phân bộ - Subordo

Liên họ – Superfamily (- oidea)

5) Họ –Family (đuôi - dae)

Phân họ – Subfamily (đuôi-nae)

Tộc – Tribe (đuôi -ini)

6) Giống – Genus

Phân giống – Subgenus

7) Loài - Species

Phân loài – Subspecies

Trong các thứ hạng phân loại trên, cần lưu ý tên nhóm họ, điều đó được nêu ở điều 28 [5] như sau:

Cấu tạo tên nhóm họ: Tên nhóm họ cấu tạo bằng cách thêm vào thân từ tên giống chuẩn từ vĩ - **dae** (đối với tên họ) và - **inae** (đối với tên phân họ).

Liên họ và tộc: Đề nghị từ vĩ – **oidea** cho tên liên họ (hay tổng họ) và - **ini** cho tên tộc.

“Chữ cái đầu tiên của tên nhóm họ, và giống phải viết hoa, còn của tên loài viết thường.

Ví dụ: Trong hệ thống phân loại bọ chét (Siphonaptera) của G.H.E.Hopkins và M. Rothschild, 1953 cụ thể như sau:

Liên họ (Superfamily): **Pulicoidea**

Họ (Family): **Pulicidae**

Phân họ (Subfamily): **Pulicinae**

Giống (Genus): **Pulex** Linné, 1758 (Trong đó Pulex là tên giống, Linné là tên tác giả, 1758 là năm công bố).

Loài (Species): *Pulex irritans* Linné, 1758

6.4.1.4.2. Định nghĩa loài (species) và phân loài (subspecies) sinh học

Cho đến nay khái niệm loài được thế giới thống nhất và sử dụng nhiều nhất với định nghĩa như sau: “Loài là một nhóm quần thể sinh sản tự nhiên, cách ly sinh sản với các nhóm quần thể tự nhiên khác” [5]; hay: “Loài là một quần thể hay một nhóm cá thể mà các thành viên hợp nên có tiềm năng giao phối tự nhiên và sinh ra thế hệ con hữu thụ” [3].

“Phân loài là một tập hợp các quần thể của một loài, giống nhau về hình thái, cùng sống trong một khu vực trong vùng phân bố của loài và khác với các quần thể khác của loài về phân loại học” (E. Mayr, 1969) [5].

Như vậy, ranh giới giữa các loài là khả năng sinh sản, các loài khác nhau thì không có khả năng sinh sản, kể cả các loài rất gần nhau VD: Vịt lai với ngan ra con lai là “**vịt pha ngan**” con lai này không cùng loài với vịt và không cùng loài với ngan và giữa các con lai không có khả năng sinh sản “bất thụ”. Ngược lại, các cá thể F1 sinh ra từ các thế hệ bố mẹ nếu có khả năng sinh sản thế hệ F2 thì các cá thể bố mẹ của F1 cùng loài. VD: Lợn rừng lai với lợn nhà sinh ra con lai F1 các con lai F1 này giao phối sinh ra thế hệ F2 thì các con lợn ông bà này cùng loài.

6.2. Các quy tắc danh pháp động vật

Thuật ngữ “danh pháp” bắt nguồn từ chữ la tinh nomen (tên) và calare (gọi) và theo nghĩa từ nguyên có nghĩa là “gọi theo tên”. Vai trò của danh pháp chính là ở chỗ thêm các nhãn hiệu cho các đơn vị phân loại các bậc và do đó làm dễ dàng cho việc giao tiếp giữa các nhà sinh học với nhau. Những tên khoa học đặt cho các loài sinh vật và cho các đơn vị cao bao gồm các loài đó tạo nên hệ thống thông tin,

hoặc là ngôn ngữ; chúng cũng phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như bất kỳ một ngôn ngữ nào [5].

Các quy tắc danh pháp động vật đang có hiệu lực được ghi trong văn kiện có uy tín gọi là Bộ luật danh pháp động vật quốc tế. Văn bản sau cùng của nó được hội nghị động vật học quốc tế lần thứ XV (Luân đôn) hiệu lực hóa vào ngày công bố nó 6-XI-1961. Một vài thay đổi nhỏ có liên quan đã được hội nghị lần thứ XVI tổ chức ở Oasinhton năm 1963 công nhận và đưa vào lần xuất bản công bố năm 1964 [5].

Luật danh pháp động vật học quốc tế do hội nghị động vật học quốc tế lần thứ XV thông qua gồm XVII mục và 87 điều. Sau đây là một số điều liên quan đến danh pháp động vật:

Điều 4. Tên của đơn vị phân loại ở bậc trên nhóm loài (từ giống trở lên) gồm *một từ* (tên một từ).

Ví dụ: *Pulex* (là tên một giống bọ chét)

Pulicidae (là tên một họ của bọ chét)

Siphonaptera (tên bộ bọ chét)

Insecta (tên lớp côn trùng)

Arthropoda (tên ngành chân đốt)

Điều 5. Loài và phân loài : Tên **loài** gồm *hai từ* (tên hai từ) còn tên **phân loài** (hay loài phụ) gồm *ba từ* (tên ba từ). Trong mỗi trường hợp tên từ đầu tiên là tên **giống**, từ thứ hai là tên **loài**, còn từ thứ ba, nếu được dùng là tên **phân loài**. Ví dụ : *Anopheles minimus* (trong đó *Anopheles* là tên giống và *minimus* là tên loài - tên *hai từ*). *Ctenocephalides felis felis* (trong đó *Ctenocephalides* là tên giống, *felis felis* là tên loài và phân loài - tên *ba từ*).

Điều 6: Tên phân giống khi được dùng với tên giống và tên loài phải đặt trong ngoặc đơn; tên phân giống không tính là một từ trong tên hai từ của loài hay tên ba từ của phân loài.

Ví dụ: *Anopheles (Cellia) kochi* (trong đó *Anopheles* là tên giống, *Cellia* là phân giống để trong ngoặc đơn, *kochi* là tên loài).

Điều 22. Dẫn ngày công bố:

Ngày công bố của một tên, nếu được dẫn ra, phải đặt sau tên tác giả và có dấu phẩy ở trước.

Lời dặn 22B. Ngày công bố trong một tổ hợp tên có thay đổi. Nếu ngày công bố đầu tiên được dùng cho một tên nhóm loài trong một tổ hợp tên có thay đổi với tên giống, thì ngày công bố phải đặt vào ngoặc đơn cùng với tên tác giả của tên loài đó, có dấu phẩy “,” ngăn cách. Ví dụ: *Anopheles nivipes* (Theobald, 1903)

Giải thích: *nivipes* là loài được Theobald, 1903 mô tả đầu tiên thuộc giống *Culex* và tên đầy đủ loài là *Culex nivipes* Theobald, 1903 (tên tác giả đầu tiên và năm công bố không để trong ngoặc đơn). Nhưng sau đó được một tác giả khác xem xét lại (review) và thấy rằng loài *nivipes* không thuộc giống *Culex* mà thuộc giống *Anopheles*, nên có tên là *Anopheles nivipes* (Theobald, 1903), khi đó tên tác giả đầu tiên là Theobald cùng với năm công bố phải để trong ngoặc đơn (thuộc tổ hợp tên có thay đổi với tên giống, do đã tu chỉnh mẫu vật).

Viết tên loài đầy đủ và khi nào thì cần viết tên loài đầy, viết tắt?

- Tên đầy đủ một loài:

Tên giống, tên loài, tên tác giả và năm công bố.

Giữa tên giống và tên loài có dấu cách, tiếp theo là tên tác giả (thường viết nghiêng); Giữa tên tác giả và năm công bố có dấu phẩy (tên tác giả và năm không viết nghiêng). Ví dụ: *Anopheles minimus* Theobald (1901).

Do trong quá trình lịch sử mô tả và tu chỉnh mỗi một loài có thể có nhiều tác giả ở các quốc gia và các thời điểm khác nhau tiến hành, nên một loài có thể có nhiều tên đồng vật (synonym). Bởi vậy, trong một số trường hợp cần viết đầy đủ tên loài như việc mô tả loài trong phân loại, trong động vật chí, hay khi lập danh mục (checklist) một nhóm động vật nào đó của một vùng địa lý, một lãnh thổ, một hay nhiều quốc gia v.v...

Ví dụ: Danh mục các loài thú hoang dã Việt Nam (Checklist of wild mammal species of Vietnam) [1].

- Viết tắt một loài:

Trong thực tế trình bày luận án tiến sỹ và các tài liệu khoa học thì đa số chỉ viết đến tên giống và tên loài, cách viết cũng tuân theo quy tắc viết của danh pháp quốc tế ở dạng rút gọn không có tên tác giả, chỉ có tên giống, tên loài, như ví dụ sau: *Anopheles minimus*. Khi muốn viết tắt theo nguyên tắc: Tên đầu tiên xuất hiện trong luận án hoặc tài liệu viết đầy đủ cả tên giống và tên loài ở dạng rút gọn sau đó mở ngoặc viết tắt VD: *Anopheles minimus* (*An. minimus*), từ lần xuất hiện thứ hai trở đi thì có quyền viết tắt *An. minimus*. Tên viết tắt không cần cho vào danh mục từ viết tắt.

6.3 Khóa định loài động vật

Dùng khóa định loại để xác định tên khoa học của một mẫu vật không mấy khó khăn, nhất là những khóa định loại chất lượng cao, có hình minh họa, chỉ cần người định loại xác định đúng những đặc điểm của vật mẫu phân loại cần đối chiếu, so sánh với đặc điểm mô tả trong các vế của cặp dữ liệu, để chọn đúng từng bước thích hợp, cho đến bước cuối cùng dẫn đến tên đúng của mẫu vật. Nhưng quá trình phân tích và lựa chọn các đặc điểm phân loại để lập khóa định loại là công việc hết sức khó khăn, rất tốn thời gian và công sức. Mỗi khóa định loại chất lượng cao thực sự là một loại công cụ phân tích phân loại học giàu tính phát hiện.

Khóa định loại tốt là khóa định loại lưỡng phân (dichotomous) thực sự, mỗi bước chỉ có hai vế đối nhau, có thể chọn một trong hai. Các đặc điểm đối nhau phải được mô tả rõ ràng, chính xác, tốt nhất là nên có hình minh họa, khi đối chiếu so sánh có thể dùng cho tất cả các cá thể trong quần thể bất kể giới tính, tuổi khác nhau. Các đặc điểm so sánh tốt nhất là đặc điểm hình thái ngoài, có thể quan sát trực tiếp, không cần những thiết bị đặc biệt. Chỉ dùng những đặc điểm ổn định, không có những biến dị quá mức. Những đặc điểm phân loại là số đo, đếm thì không nên có những giá trị gộp nhau [4].

Trong các tác phẩm phân loại học truyền thống có khá nhiều kiểu khóa định loại: khóa định loại lưỡng phân, khóa định loại kiểu răng cưa, khóa số tổng hợp (khóa đa phân), khóa định loại bằng hình, nhưng phổ biến nhất là hai kiểu khóa định loại lưỡng phân sau đây:

Kiểu I (dấu ngoặc đơn hàng kép)

(Ví dụ: Khóa phân loại 7 bộ côn trùng do Linneaus lập ra) [5]

- | | | |
|-------|----------------------------------|-------------|
| 1. | Không có cánh | Apterygota |
| | Có cánh..... | 2 |
| 2(1). | Miệng kiểu vòi hút..... | Hemiptera |
| | Miệng nhai nghiền..... | 3 |
| 3(2). | Có một đôi cánh..... | Diptera |
| | Có hai đôi cánh..... | 4 |
| 4(3). | Cánh trước dạng sừng cứng..... | Coleoptera |
| | Cánh trước dạng màng mỏng..... | 5 |
| 5(4). | Mặt cánh trước không có vảy..... | 6 |
| | Mặt cánh trước có vảy..... | Lepidoptera |

6(5). Cuối bụng con cái có kim chích.....Hymenoptera

Cuối bụng con cái không có kim chích.....Neuroptera

Kiểu II (dấu ngoặc đơn hàng đơn)

(*Ví dụ*: Khoá định loại các loài mò thuộc giống *Helenicula* Audy, 1954 ở Việt Nam) [2]

1(4) Góc chân III có 1 lông.

2(3) Sens ở trước PLS; PF: B/B/bNB. Giữa bờ sau mai lưng tạo thành góc tù, lông lưng 42-45 chiếc.....*H. selvana*

3(2) Sens ở sau góc PLS; PF: B/B/bbB. Giữa sau mai gần thẳng, lông lưng 70-80 chiếc.....*H. kohlsi*

4(1) Góc chân III có 2 lông trở lên.

5(6) Góc chân III có 2 lông..... *H. lanius*

6(5) Góc chân III có 3 lông trở lên.

7(8) Góc chân III chỉ có 3 lông. GAL B. Gối chân I có 1 gậy cảm giác.....

.....*H. consonensis*

8(7) Góc chân III có 4-7 lông. GAL N. Gối chân I có 2 gậy cảm giác.

9(10) Công thức lông pan: B/B/bNB. Góc chân III có 3-5 lông (thường 4). Lông lưng 40 chiếc. Sens hơi trước PLS..... *H. mutabilis*

10(9) Công thức lông pan: B/B/BBB. Góc chân III có 4-7 lông (thường 6). Lông lưng 50-60 chiếc. Sens sau PLS. *H. simena*

Tài liệu tham khảo chính phần danh pháp quốc tế.

1. Đặng Ngọc Cần, Hideki Endo, Nguyễn Trường Sơn, Tatsuo O., Lê Xuân Cảnh, Đặng Huy Phương, Darrin PL., Shin IK., Akiko H., Montoki S. (2008), *Danh lục các loài thú hoang dã ở Việt Nam*, Shoukadon Book Sellers, NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội, 400 trang.
2. Nguyễn Văn Châu, Nguyễn Thu Vân, Đỗ Sĩ Hiền (2007), Họ Mò đồ Trombiculidae – Acarina, Bộ chét Siphonaptera. *Động Vật chí Việt Nam. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Sách chuyên khảo*, NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội, Tập.16, 306 trang.
3. Trần Bá Cừ, Nguyễn Thu Hiền, Trần Bá Hoành, Trần Mạnh Kỳ, Đặng Văn Sử, Lê Đình Thái, Phạm Văn Thân, Phạm Ngọc Thịnh (2002), *Từ điển bách khoa sinh học*, Sách chuyên khảo, NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội, 2439 trang.

4. Nguyễn Anh Diệp, Trần Ninh, Nguyễn Xuân Quỳnh (2007), “*Nguyên tắc phân loại sinh vật*” NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội, 224 trang.
5. Phan Thế Việt (1974), *Những nguyên tắc phân loại động vật (tài liệu dịch từ tiếng Nga của Mayr E., 1969)*, NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội, 318 trang.

7. Cách viết tài liệu tham khảo

7.1. Căn cứ pháp lý quy định về cách viết tài liệu tham khảo

Căn cứ vào các văn bản pháp luật về Đào tạo sau đại học do Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành các năm 2002, 2009, 2017, 2021 (phụ lục 14- Trang 95).

Căn cứ vào các Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2009, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ tiến sỹ; Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT về việc ban hành danh mục đào tạo cấp IV trình độ thạc sỹ, tiến sỹ. Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ tiến sỹ

Quyết định số 1034/QĐ-VSR ngày 25/5/2017 của Viện trưởng Viện Sốt rét – KST – CTTU về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sỹ của Viện Sốt rét – KST – CTTU. Quyết định số 981/QĐ-VSR ngày 18/08/2021 của Viện trưởng Viện Sốt rét – KST – CTTU về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sỹ của Viện Sốt rét – KST – CTTU

7.2. Một số quy định chung

Khi trích dẫn số thứ tự tài liệu tham khảo phải để trong ngoặc vuông []. Một trích dẫn có nhiều tài liệu tham khảo thì viết từ tài liệu tham khảo có số thứ tự thấp đến số thứ tự cao, ví dụ: [1], [6], [125]. Nếu nhiều tài liệu tham khảo của cùng một tác giả thì xếp theo thứ tự năm công bố công trình nghiên cứu. Tài liệu tham khảo có nhiều tên tác giả thì lấy tên của tác giả chủ bút, thường đứng tên đầu tiên trong số các tác giả tham gia công trình.

Trình bày tài liệu tham khảo trong danh mục như sau:

- Tài liệu tham khảo không phân biệt theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật...) mà xếp theo thứ tự xuất hiện.
- Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch, kể cả tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, Nhật...
- Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, bài trong cuốn sách, bài trong kỷ yếu...ghi theo mẫu và thứ tự sau:

- + Tên các tác giả (không có dấu ngăn cách);
- + Năm công bố công trình (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn);
- + Tên bài báo (đặt trong ngoặc kép, không in nghiêng, dấu phẩy cuối tên);
- + Nguồn trích dẫn (tên sách hoặc tạp chí, in nghiêng, có dấu phẩy cuối tên);
- + Tập (không có dấu ngăn cách);
- + (Số), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn);
- + Các số trang (gạch ngang giữa hai chữ số, dấu chấm kết thúc).
- Tài liệu tham khảo là sách, luận án, báo cáo ghi theo mẫu sau:
 - + Tên tác giả hoặc tên cơ quan phát hành (không có dấu ngăn cách);
 - + Năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn);
 - + Tên sách, luận án hoặc báo cáo (in nghiêng có dấu phẩy cuối tên);
 - + Nhà xuất bản (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản);
 - + Nơi xuất bản (dấu chấm kết thúc tài liệu tham khảo).

- Các tài liệu tham khảo tiếng Việt viết theo Họ đến tên đệm tên tác giả. Tác giả là người nước ngoài xếp theo tên rồi đến họ.

- Tài liệu tham khảo không có tên tác giả thì viết từ đầu tiên của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, ví dụ: Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương thì xếp vào vần V.

- Tài liệu tham khảo tiếng Việt:

1. Quách Ngọc Ân (1992), Nhìn lại hai năm phát triển lúa lai, *Tạp chí Di truyền học ứng dụng*, Số 98(1), tr.10-16.
2. Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (1996), *Báo cáo tổng kết 5 năm (1992 - 1996) phát triển lúa lai*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Gấm (1996), *Phát hiện và đánh giá một số dòng bất dục đực cảm ứng nhiệt độ*, Luận án sỹ khoa học nông nghiệp, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.
4. Võ Thị Kim Huệ (2000), *Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị bệnh rối loạn chất tạo keo ở đối tượng...*, Luận án Tiến sỹ y học, Đại học Y Hà Nội, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh:

+ Tài liệu tham khảo là bài trong tạp chí, bài trong kỷ yếu: Tên bài viết thẳng không có trong ngoặc kép, nguồn trích dẫn viết nghiêng, còn lại viết thẳng.

+ Tài liệu tham khảo là sách giáo khoa, kỷ yếu công trình: Tên sách, tên kỷ yếu viết nghiêng không có trong ngoặc kép, còn lại viết thẳng.

+ Cụ thể cách viết tài liệu tham khảo như các ví dụ sau:

- 1 Anderson J. E. (1985), The lative Inefficiency of Quota, The Cheese Case
American Economic Review, Vol.75(1), pp.178-90.
- 2 Borkakati R. P., Vinmanni S. S. (1997), Genetics of thermosensitive genic male sterility in Rice, *Euphytica*, Vol.88, pp.178-90.
3. FAO (1971), *Agricultural Commodity Projection (1970–1980)*, Vol.II. Rome.
4. Institute of Economic (1988), *Analysis of Expenditure Pattern of Urban Households in Vietnam*, Departement of Economics, Economics Research Report, Hanoi.
5. Burton G.W. (1988), Cytoplasmic male – steilyty in pearl millet (*penni-setum glaucum* L, *Agronomic Journal*, Vol.50, pp.230-231.

Phần II:

QUY ĐỊNH VỀ CÁCH VIẾT, ĐỀ CƯƠNG ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ, CHUYÊN ĐỀ, TIỂU LUẬN TỔNG QUAN VÀ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

I. ĐỀ CƯƠNG ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

Trình bày theo thứ tự:

- Trang bìa ngoài (*Theo mẫu bên dưới*)
- Những chữ viết tắt bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

Trình bày theo thứ tự bảng chữ cái A, B, C....

- Mục lục.
- Danh mục bảng
- Danh mục hình

Nội dung trình bày:

Do nghiên cứu sinh và thầy hướng dẫn khoa học thống nhất, tổng dung lượng khoảng **40 trang**, gồm các phần sau:

Đặt vấn đề và mục tiêu nghiên cứu:

Tóm lược những nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài, ý nghĩa thực tiễn, tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu. Giả thiết và mục tiêu nghiên cứu của đề tài.

Chương 1: Tổng quan tài liệu

Khi viết tổng quan phải tuân thủ nguyên tắc:

- Phần giới thiệu các khái niệm, định nghĩa cũng như lịch sử lĩnh vực nghiên cứu chỉ ngắn gọn, không quá 2 trang.
- Mục tiêu nghiên cứu gì thì tổng quan về các vấn đề nghiên cứu ấy.

- Tổng quan cần nêu ra được giả thiết nghiên cứu, muốn vậy NCS phải thực hiện viết: Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án; Nêu những vấn đề còn tồn tại của các nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam. Chỉ ra những vấn đề mà đề tài luận án cần tập trung nghiên cứu, giải quyết (tìm ra lỗ hổng của vấn đề - GAP).

- Mặt khác, trong tổng quan cũng cần mô tả, phân tích đặc điểm về dịch tễ học hoặc bệnh học, điều trị, cũng như một số yếu tố văn hóa, xã hội hoặc KAP ảnh hưởng đến tình hình bệnh tại nơi triển khai nghiên cứu. Phải nêu bật được tại sao chúng ta lại triển khai nghiên cứu tại địa phương hoặc một bệnh, một tác nhân gây bệnh tại một cơ sở y tế ...

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu

Mỗi mục tiêu trình bày như một đề tài nghiên cứu nhỏ, đều qua 11 bước.

2.1 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:

Gồm các phần:

2.1.1. Đối tượng, địa điểm, thời gian nghiên cứu

2.1.1.1 Đối tượng nghiên cứu

2.1.1.2 Địa điểm nghiên cứu

2.1.1.3. Thời gian nghiên cứu

2.1.2 Phương pháp nghiên cứu

Gồm các phần:

2.1.2.1 Thiết kế nghiên cứu

2.1.2.2 Cỡ mẫu nghiên cứu

2.1.2.3 Nội dung nghiên cứu

2.1.2.4 Các kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu

2.1.2.5 Xác định và đo lường các chỉ số, biến số trong nghiên cứu

2.1.2.6 Phương pháp nhập và phân tích số liệu

2.1.2.7 Sai số và hạn chế sai số trong nghiên cứu

2.1.2.8 Đạo đức trong nghiên cứu

Các phần tổ chức thực hiện và phụ lục nếu có để sau tài liệu tham khảo.

Chương 3: Dự kiến kết quả nghiên cứu

Mỗi mục tiêu là mục các kết quả nghiên cứu

Chương 4: Dự kiến Bàn luận

Bàn luận theo kết quả nghiên cứu.

Tiếp đến là các phần:

- Dự kiến Kết luận (kết luận cần bám sát mục tiêu và kết quả nghiên cứu)
- Dự kiến Kiến nghị (dựa trên kết quả nổi bật của nghiên cứu)
- Tính khoa học, tính mới và tính thực tiễn của đề tài
- Danh mục tài liệu tham khảo: Chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng trong đề cương.

Kế hoạch nghiên cứu:

- Kế hoạch về tiến độ thực hiện.
- Kế hoạch về tài chính.

MẪU TRANG BÌA BÀI LUẬN VÀ ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ Y TẾ**
VIỆN SÓT RÉT - KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG

-----*

HỌ VÀ TÊN THÍ SINH *(Chữ 18)*

TÊN ĐỀ CƯƠNG ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU *(Chữ 14)*

CHUYÊN NGÀNH: *(Chữ 14)*

MÃ SỐ: *(Chữ 14)*

BÀI LUẬN VÀ ĐỀ CƯƠNG
DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH *(Chữ 16)*

HÀ NỘI – Năm *(Chữ 14)*

II. HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ, TIÊU LUẬN TỔNG QUAN, CHUYÊN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾN SỸ

2.2.1 Trình bày chung theo thứ tự như sau

- Trang bìa (*Theo mẫu bên dưới*).
- Những chữ viết tắt.
- Mục lục .
- Danh mục bảng.
- Danh mục hình.
- Nội dung của chuyên đề, học phần, tiêu luận tổng quan.
 - + Đặt vấn đề
 - + Nội dung
- Kết luận
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục (nếu có)

2.2.2. Kết cấu và dung lượng

- Đặt vấn đề: Từ 1 – 2 trang, bao gồm cả mục tiêu của *chuyên đề*, mỗi chuyên đề không quá 02 mục tiêu. Riêng học phần không có mục tiêu mà chỉ có lời dẫn...VD: Bằng cách cập nhật các tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước về đặc điểm lâm sàng nấm phổi chúng tôi thực hiện học phần...“tên học phần”, nhằm...

- Nội dung: Nội dung chi tiết do cán bộ hướng dẫn khoa học và nghiên cứu sinh thống nhất, tổng số trang từ 25 – 30 trang.

- Kết luận: 01 trang, kết luận theo mục tiêu của *chuyên đề*, nếu là học phần thì kết luận những nội dung cơ bản đã cập nhật trình bày trong học phần.

- Phụ lục (nếu có).

- Tài liệu tham khảo: *Những phần bắt buộc*.

2.2.3. Lưu ý

Riêng đối với chuyên đề luận án tiến sỹ thì chỉ đưa ra các kết quả cơ bản của chuyên đề liên quan trực tiếp đến kết quả của mục tiêu của luận án bằng các bảng số liệu hoặc hình....phần bàn luận dưới ngay kết quả ở các bảng và hình.

**MẪU BÌA HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ,
CHUYÊN ĐỀ, TIỂU LUẬN TỔNG QUAN**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ Y TẾ (chữ 16)**
VIỆN SÓT RÉT - KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG (chữ 16)

-----*-----

HỌ VÀ TÊN NGHIÊN CỨU SINH (Chữ 18)

Chuyên đề số (1)

TÊN CHUYÊN ĐỀ (HỌC PHẦN) (Chữ 14)

CHUYÊN NGÀNH: (Chữ 14)

MÃ SỐ: (Chữ 14)

ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN (Chữ 14)

HỌ TÊN CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC (14):

- 1.
- 2.

HÀ NỘI, 200...(Chữ 14, in hoa)

2.3. LUẬN ÁN TIẾN SỸ

Gồm những phần chính sau:

2.3.1. Trang bìa ngoài:

In bìa cứng chữ in hoa mạ chữ vàng hoặc bạc, khổ 210 x 297 mm. Cỡ chữ tương tự mẫu bìa học phần trình độ tiến sỹ.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ Y TẾ**
VIỆN SÓT RÉT - KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG (16)

Họ và tên tác giả luận án: TRẦN ĐĂNG KHOA (20)

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN TIẾN SỸ(18)

LUẬN ÁN TIẾN SỸ Y HỌC (SINH HỌC) (18)

Hà Nội, 20...

2.3.2. Trình bày trang bìa phụ luận án

Khổ 210 x 297 mm. Cỡ chữ tương tự mẫu bìa học phần trình độ tiến sỹ.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ Y TẾ**
VIỆN SÓT RÉT - KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG

Họ và tên tác giả luận án (chữ 18)

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Chuyên ngành:

Mã số:

LUẬN ÁN TIẾN SỸ Y HỌC (SINH HỌC)

(ghi ngành của học vị được công nhận)

HỌ TÊN HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1.

2.

HÀ NỘI, 20....

Tiếp theo là các trang:

- Lời cam đoan;
- Lời cảm ơn;
- Danh mục các chữ viết tắt;
- Trình bày theo thứ tự bảng chữ cái A, B, C...;
- Mục lục: Chỉ thống kê các mục có 3 chữ số;
- Danh mục bảng;
- Danh mục hình;

2.3.3. Nội dung cơ bản của luận án tiến sỹ

Nội dung cơ bản của luận án tiến sỹ gồm những phần sau:

ĐẶT VẤN ĐỀ

Giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích đối tượng và phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học, ý nghĩa thực tiễn của đề tài. Tổng dung lượng từ 2 – 3 trang, không quá 3 mục tiêu nghiên cứu.

Chương 1: TỔNG QUAN TÀI LIỆU

Phân tích đánh giá các công trình nghiên cứu có liên quan mật thiết với đề tài nghiên cứu của luận án đã được công bố trước đó, chỉ ra các vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết. Tổng quan bám sát theo mục tiêu nghiên cứu.

Chương 2: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trình bày *theo mục tiêu nghiên cứu*, thứ tự như sau:

2.1 Đối tượng, thời gian, địa điểm nghiên cứu mục tiêu 1:

2.1.1 Đối tượng nghiên cứu

2.1.1.1 Tiêu chuẩn lựa chọn

2.1.1.2 Tiêu chuẩn loại trừ

2.1.2. Thời gian nghiên cứu

2.1.3. Địa điểm nghiên cứu

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

2.2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

2.2.3. Nội dung nghiên cứu

2.2.4. Các biến số, chỉ số trong nghiên cứu

2.2.5. Các kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu

2.2.6. Nhập và phân tích và xử lý số liệu thông

2.2.7. Sai số và loại trừ sai số

2.2.8. Đạo đức trong nghiên cứu

(Các mục tiêu khác trình bày tương tự gồm 11 bước cơ bản)

Chương 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

- Trình bày kết quả của nghiên cứu bằng các hình thức như: Bảng số liệu, biểu đồ, hình (*Lưu ý: không dùng từ biểu đồ*)

- Mỗi mục tiêu nghiên cứu là một mục phiên giải kết quả.

- Khi phiên giải kết quả phải dựa trên nguyên tắc:

+ Đã sử dụng bảng số liệu thì thôi không dùng hình và ngược lại;

+ Khi phiên giải kết quả trong hình hoặc bảng số liệu, không phân tích bàn luận trong phần kết quả nghiên cứu.

+ Kết quả trong bảng số liệu, hoặc hình phải nằm trong cùng 1 trang, kê cả tên bảng số liệu hoặc tên hình.

+ Phần nhận xét chỉ ngắn gọn số liệu nổi bật của bảng số liệu hoặc hình.

Chương 4: BÀN LUẬN

- Cũng đánh mục bàn luận theo mục tiêu nghiên cứu.

- Trong bàn luận chỉ đánh mục có 3 chữ số trở về.

- Tổng số trang của bàn luận và kết quả nghiên cứu chiếm > 50% dung lượng của luận án.

- Khi bàn luận thì hạn chế bàn luận số liệu sơ cấp, hạn chế nhắc lại nhận xét phân kết quả dưới các bảng các hình mà cần đi sâu phân tích, mổ xẻ, so sánh, lý giải tại sao có kết quả như đề tài....trên cơ sở đó mới tìm ra cái mới, cái khác biệt của đề tài.

KẾT LUẬN

Cần tuân thủ nguyên tắc:

- **Một là:** Chỉ kết luận theo mục tiêu nghiên cứu và những kết quả nghiên cứu nổi bật đã đạt được.

- **Hai là:** Phải có tính khái quát hóa, trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu, kiến nghị cho những nghiên cứu tiếp theo.

- **Ba là:** Những kết luận bằng các tỷ lệ % mà số nhỏ thì cần có số tuyệt đối chứng minh, ví dụ: Tổng số 50 phụ nữ trong độ tuổi 18 – 49 khám bệnh tại phòng khám sản A tháng 12/2020, có tỷ lệ nhiễm liên cầu khuẩn nhóm B là 10,0%(5/50).

1.....

2.....

3.....

- **Bốn là:** Mỗi mục tiêu không quá 1 kết luận, kết luận thẳng vấn đề không nhắc lại tên mục tiêu.

2.3.4. Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án

- Mỗi luận án có tối thiểu 02 công trình công bố trong các tạp chí khoa học ngoài nước trong danh mục các tạp chí có chỉ số IF hoặc WoS/Scopus và ISI/Scopus, theo Quy chế đào tạo tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2017 trong Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT. Các bài báo đã được nhà xuất bản hoặc tạp chí xác nhận đồng ý đăng vào thời gian sau đó thì cũng coi như được đăng và NCS đã có báo quốc tế (có Tập, số, trang..).

- Đối với các NCS chỉ có báo trong nước đăng trong tạp chí từ 0,75 điểm trở lên do Hội đồng Giáo sư nhà nước chấm điểm, mỗi NCS phải có tối thiểu 3 bài 0,75 điểm hoặc 2 bài 1 điểm. Cách trình bày tương tự như bài báo quốc tế.

- Trình bày như phần tài liệu tham khảo, bao gồm: Tên tác giả, năm công bố công trình nghiên cứu, tên công trình hoặc bài báo công bố, nguồn trích dẫn, nhà xuất bản, trang trích dẫn.

- Chỉ được đưa vào phần này các công trình khoa học có liên quan trực tiếp đến nội dung của luận án được công bố trong thời gian học tập nghiên cứu sinh tiến sĩ.

2.3.5. Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án

Trình bày như mục 7, phải đảm bảo yêu cầu sau:

+ > 50,0% số tài liệu tham khảo công bố trong thời gian 5 năm gần nhất;

+ Chỉ sử dụng số liệu trong các tài liệu có uy tín trong và ngoài nước và luận án tiến sỹ, hạn chế sử dụng tài liệu tham khảo trích dẫn từ luận văn thạc sỹ (các tài liệu có chữ ISSN, IBS.....).

+ Tài liệu tham khảo phải xếp theo thứ tự xuất hiện trong luận án. Khi trình bày trong danh mục tài liệu tham khảo thì theo thứ tự: Tên tác giả, năm công bố công trình nghiên cứu, tên công trình, nguồn tài liệu, tập, trang. Tài liệu tham khảo tiếng Anh viết theo thứ tự tên tác giả, họ của tác giả, năm công bố công trình, tên công trình, nguồn xuất bản, tập, trang...

+ Tài liệu tham khảo lấy ở mạng Internet ngoài tuân thủ các quy định trên, cần ghi rõ ngày giờ truy cập lấy tài liệu và địa chỉ trang mạng.

+ Trong luận án, chuyên đề, học phần trình độ tiến sỹ, tiểu luận tổng quan.... số tài liệu tham khảo là sách giáo khoa đào tạo đại học, sau đại học, luận án tiến sỹ phải chiếm > 75% tổng số tài liệu tham khảo.

2.3.6. Phụ lục (nếu có).

2.4. TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ

2.4.1. Quy định chung

Tuân thủ theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Cỡ chữ: 12;
- Dòng đơn 17 pt (lề trên, lề dưới, lề trái, lề phải đều 2 cm);
- Phong chữ: Time New Roman;
- Đánh số trang ở chính giữa lề trên;
- Trình bày bằng 1/2 khổ giấy A4 (1 tờ giấy A4 được 4 trang);
- In hai mặt;
- Số của bảng biểu, hình vẽ, phải có cùng số như trong luận án.

2.4.2 Kết cấu chung gồm:

- Đặt vấn đề: 1 trang;
- Tính khoa học, tính mới và tính thực tiễn của đề tài 1 trang;
- Tổng quan tài liệu: < 2 trang;
- Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: 2 - 3 trang;
- Kết quả nghiên cứu: <10 trang; Bàn luận: 4 – 6 trang;
- Kết luận, kiến nghị: 1 trang;

2.4.3. Mẫu trang bìa 2 tóm tắt luận án (tóm tắt luận án in 2 mặt kể cả bìa)

Trang những thông tin cơ bản về tóm tắt luận án thường để ở mặt sau của trang bìa ngoài, khổ 140 x 200mm

**Công trình được hoàn thành tại Cơ sở đào tạo Sau đại học
Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương**

Cán bộ hướng dẫn khoa học:

1. Họ tên cán bộ hướng dẫn 1:.....
2. Họ tên cán bộ hướng dẫn 2:

Phản biện 1:

Tên đơn vị công tác.....

Phản biện 2:

Tên đơn vị công tác.....

Phản biện 3:

Tên đơn vị công tác.....

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Viện,

Hội đồng họp tại Viện Sốt rét – KST – CTTƯ vào hồi giờ ngày năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương.